

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-3-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Duy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng;
2. Ông Lê Minh Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mang Đức Kham là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Huỳnh Đỗ Đức T, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu S vắng mặt. Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ chị Nguyễn Thị Thu S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Đỗ Đức T qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 4 năm 2016 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống tại nhà cha mẹ anh T tại đội 5, thôn T1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trong thời gian chung sống, chị làm công nhân may ở phường Bình Định, còn anh T không có nghề nghiệp gì, giữa chị và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, kình cãi nhau. Đến tháng 9 năm 2017 thì chị về nhà cha mẹ chị ở để sinh con, tại đội 5, thôn T1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trong thời gian chị về nhà cha mẹ chị sinh con đến nay, anh T không quan tâm gì đến chị và con, không đưa tiền để nuôi con, không đến thăm con lần nào và kể từ đó đến nay chị và anh T không gặp nhau lần nào. Nay chị không còn tình cảm với anh T nữa và không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Đỗ Đức T.

- Về con chung: Chị và anh Huỳnh Đỗ Đức T có một con chung: Huỳnh Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2017, đang ở với chị. Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Bị đơn anh Huỳnh Đỗ Đức T vắng mặt. Theo lời khai có tại hồ sơ anh Huỳnh Đỗ Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu S qua thời gian quen nhau tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 4 năm 2016 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ anh tại đội 5, thôn T1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trong thời gian chung sống, đến khi chị S mang thai thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ và kình cãi nhau vì những bất đồng trong cuộc sống. Đến cuối tháng 9 năm 2017 chị S về nhà cha mẹ chị S ở sinh con cho đến nay thì anh và chị S sống ly thân, anh cũng không về thăm nom con lần nào cũng như không đưa tiền để chị S nuôi dưỡng con. Nay anh và chị S không còn tình cảm với nhau nữa và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn chị S.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thu S có một con chung: Huỳnh Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2017, đang ở với chị S. Anh đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã có lời khai và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Huỳnh Đỗ Đức T cư trú tại thôn T1, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Huỳnh Đỗ Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 4 năm 2016 tại UBND xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của chị S, Hội đồng xét xử thấy rằng trong thời gian sống chung, giữa chị S và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn và cuối tháng 9 năm 2017 đến nay chị S và anh T không còn sống chung với nhau, anh T đồng ý ly hôn chị S nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Huỳnh Đỗ Đức T có một con chung: Huỳnh Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2017, đang ở với chị S. Anh T đồng ý giao con cho chị S nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao con cho chị S nuôi dưỡng. Chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị Nguyễn Thị Thu S và anh Huỳnh Đỗ Đức T không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chị Nguyễn Thị Thu S được ly hôn anh Huỳnh Đỗ Đức T.

2. Giao con chung tên Huỳnh Nguyễn Minh T2, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2017, hiện đang ở với chị Nguyễn Thị Thu S cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Đỗ Đức T không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005024 ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Bình Định.

Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu: Văn phòng; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Duy Minh